

Phụ lục I:
CHI TIẾT TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dự án thành phần: Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng
phục vụ bảo tồn, lưu giữ nguồn gen cây nông nghiệp

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-XD, ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi phí	Thành tiền
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	15.000.000
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	10.530.216
1	Thiết lập vườn cây ăn quả đặc sản	6.740.674
a	Hạ tầng vườn cây ăn quả đặc sản	6.142.522
-	Tôn nền vườn	4.472.469
-	Đường giao thông	1.185.612
-	Hệ thống mương tiêu	484.441
b	Trồng và chăm sóc vườn cây ăn quả đặc sản	598.152
2	Vườn ươm	476.782
3	Trạm bơm tưới, kho vật tư	634.296
-	Trạm bơm tưới số 1	407.225
-	Trạm bơm tưới số 2 kết hợp kho vật tư	227.071
4	Xây mới và cải tạo ao trữ nước tưới	2.678.464
-	Xây mới ao trữ nước số 4	1.291.051
-	Cải tạo ao trữ nước số 1 và 2	1.387.413
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ (Chi tiết xem Phụ lục II)	1.065.310
1	Thiết bị phục vụ công tác lưu giữ, đánh giá nguồn gen	486.364
2	Thiết bị phục vụ công tác truyền thông, đào tạo về tài nguyên thực vật	272.276
3	Thiết bị trạm bơm nước	306.670
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	373.376
1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	5.875
2	Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng	367.501
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	893.094
IV.1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	195.821
1	Lập nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án	6.000
2	Khảo sát địa hình	75.405
3	Giám sát khảo sát xây dựng	3.070
4	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi (TT)	109.346
5	Lập HSMT/ HSYC và đánh giá HSDT/ HSĐX các gói thầu tư vấn	2.000
IV.2	Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng	697.273
1	Lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình	329.596
2	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	19.902

TT	Nội dung chi phí	Thành tiền
3	Thẩm tra dự toán xây dựng công trình	19.270
4	Lập HSMT/ HSYC và đánh giá HSDT/ HSDX các gói thầu tư vấn	4.664
5	Lập HSMT/ HSYC và đánh giá HSDT/ HSDX các gói thầu thi công xây dựng	38.014
6	Lập HSMT/ HSYC/ CHCC, đánh giá HSDT/ HSDX các gói thầu cung cấp, lắp đặt thiết bị	2.994
7	Giám sát thi công xây dựng công trình	273.575
8	Giám sát lắp đặt thiết bị công trình	7.649
9	Thẩm định giá thiết bị	1.609
V	CHI PHÍ KHÁC	185.037
V.1	<i>Giai đoạn chuẩn bị dự án</i>	<i>2.087</i>
1	Lệ phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	2.087
V.2	<i>Giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng</i>	<i>182.950</i>
1	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	3.822
2	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	3.696
3	Bảo hiểm công trình	12.636
4	Thẩm định HSMT/ HSYC và kết quả LCNT	11.596
5	Kiểm tra công tác nghiệm thu	30.000
6	Kiểm toán	93.000
7	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	28.200
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	1.952.967
1	Dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh	1.304.703
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	628.025